TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thanh Nguyên và ông Bùi Ánh Dương;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ Ngày 22/02/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Ông Hà Văn C, sinh năm 1969.

Địa chỉ*:* Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về tính cách, bất đồng trong cách sinh hoạt và bất đồng trong việc chăm sóc, nuôi dậy con cái và không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là cuối tháng 12/2018, vợ chồng chị tiếp tục cãi, chửi nhau. Chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thôn bản, gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn hạnh phúc được. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do đó chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 17/8/2006 và cháu Nguyễn Trọng K2, Sinh ngày 06/4/2012. Hiện nay hai cháu đang sống cùng anh Nguyễn Văn T. Khi ly hôn chị C đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu Nguyễn Trọng K1 và cháu Nguyễn Trọng K2 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng K2 mức định kì hàng tháng là 1.000.000^{đ}/tháng cho đến khi cháu K2 đủ 18 tuổi và không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng K1.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị C xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh nhất trí lời trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị C về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Do vậy, anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị C.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 17/8/2006 và cháu Nguyễn Trọng K2, sinh ngày 06/4/2012, các cháu đều đang sống cùng anh. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng K2 định kì hàng tháng

là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu K2 đủ 18 tuổi và không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K1.

Về tài sản chung: Anh và chị C tự thỏa thuận phân chia, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh T cũng xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương và người làm chứng xác nhận: Việc anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị C kết hôn và sống ly thân từ tháng 12/2018 là đúng, anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Trọng K1, Nguyễn Trọng K2 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T, như lời trình bày của các đương sự là đúng sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị C có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải *(Do chị đang bị cách ly ở trong vùng có dịch Covid 19)*. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị: Về hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng K1 và cháu Nguyễn Trọng K2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K2 mức định kì hàng tháng là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu K2 đủ 18 tuổi và không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K1.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa và nhất trí toàn bộ ý kiến và yêu cầu đề nghị của chị Hoàng Thị C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hoàng Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 17/8/2006 và Nguyễn Trọng K2, sinh ngày 06/4/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng K2 là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Trọng K1.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị C khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với Bị đơn anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Chị Hoàng Thị C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 3 năm 2006 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào cuối tháng 12/2018, vợ chồng tiếp tục cãi, chửi nhau. Chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thôn bản, gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể hàn gắn hạnh phúc được. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị C khởi kiện xin ly hôn, tại phiên tòa anh T cũng nhất trí ly hôn với chị C. Xét thấy yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Hoàng Thị C với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị C và anh T đều thống nhất: Giao cả hai cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 17/8/2006 và Nguyễn Trọng K2, sinh ngày 06/4/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18

tuổi, Chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K2 theo định kì hàng tháng là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu K2 đủ 18 tuổi và không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K1.

Xét thấy, các đương sự đã thống nhất được về giao con chung. Anh T có nhà ở và thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng. Các cháu K1, K2 hiện đang sống với anh T và đều có nguyện vọng muốn được ở với bố. Chị C chưa có nhà ở, có mức thu nhập khoảng 05- 06 triệu đồng/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các đương sự là đúng pháp luật.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Hoàng Thị C:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn với Nguyễn Văn T;

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trọng K1, sinh ngày 17/8/2006 và cháu Nguyễn Trọng K2, sinh ngày 06/4/2012 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K2, sinh ngày 06/4/2012 theo định kì hàng tháng là 1.000.000 ^{đ}*(Một triệu đồng)*/ tháng, cho đến khi cháu Nguyễn Trọng K2 đủ 18 tuổi, Chị Hoàng Thị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trọng K1.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 300.000 ^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2012/0001747 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Chị Hoàng Thị C còn phải nộp số tiền là 300.000^{đ} (*Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa